TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thuận

Ông Trần Minh Khai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh ngày 10/9/1979; địa chỉ: thôn L, xã K tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số: 044179001066; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Minh H, sinh ngày 15/7/1975; địa chỉ: thôn L, xã K, tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số: 044075014586; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đinh Minh H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã K, tỉnh Quảng Trị), tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu say sỉn, đánh đập chị, chửi chị. Bản thân chị đã báo chính quyền địa phương, tuy nhiên, anh H không thay đổi. Do đó, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, anh H không quan tâm, hỏi han đến chị, thường xuyên gọi điện chửi và đe dọa giết chị, khiến chị sợ không dám về nhà. Nay, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/1999 và Đinh Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2007. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên để các cháu tự quyết định nơi sinh sống của các cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đinh Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị N là vợ chồng hợp pháp, nay chị N yêu cầu ly hôn là việc của chị N, anh H không đồng ý.

Anh H và chị N đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng không còn liên lạc nữa, anh liên lạc với vợ thì vợ không cầm máy. Có 01 lần khoảng gần tết 2025 (khoảng tháng 10 âm lịch năm 2024), vợ chồng cãi nhau thì anh có dọa nếu chị N bỏ đi thì anh sẽ chém chân vợ, đó chỉ là lời đe dọa của anh, sau đó tức quá anh có tát nhẹ chị N 01 cái.

- Về con chung: anh và chị N có 02 con chung là Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/1999 và Đinh Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2007. Cháu H1 muốn ở với anh thì anh sẽ nuôi cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 235 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về hôn nhân: cho chị N ly hôn anh H; về con chung: các con đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh H có địa chỉ tại thôn L, xã

K, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã K), tỉnh Quảng Trị, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị N trình bày rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu say xỉn, đánh đập, chửi chị. Bản thân chị đã báo chính quyền địa phương, tuy nhiên, anh H không thay đổi. Do đó, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Bản thân anh H cũng thừa nhận, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh H cũng có 01 lần tát chị N và đe dọa chém chị N.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng ly thân từ nhiều năm nay, trong thời gian sống ly thân không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân kéo dài. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để gắn kết tình cảm cho các bên đoàn tụ nhưng không thành. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập để anh H đến phiên tòa trình bày ý kiến nhưng anh H không đến, có thế thấy, anh H cũng không thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm với chị N.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/1999 và Đinh Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2007.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, đến thời điểm xét xử ngày hôm nay, con chung đã đều thành niên. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xết xử, các bên đương sự không tranh chấp gì về con cái nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Đinh Minh H.

1.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 02/11/1999 và Đinh Ngọc H1, sinh ngày 24/8/2007. Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 000358 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Điền, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh